

PHỤ LỤC I

**DANH MỤC DỰ ÁN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2022
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KON RẪY**

(Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Rẫy)

Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Tổng các các nguồn vốn năm 2022	Trong đó		Thanh toán đến 30/10/2022	Trong đó		Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung ương 31/01/2023	Tỷ lệ giải ngân %
			kế hoạch vốn bố trí từ nguồn ngân sách trung ương năm 2022	Nguồn huy động ngoài ngân sách		Thanh toán	Tạm ứng theo chế độ		
TỔNG SỐ		36,097.1	34,274.0	1,823.1	1,823.1	0.0	0.0	34,274.0	100%
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	18,324.0	18,324.0	0.0	0.0	0.0	0.0	18,324.0	100%
1	Dự án 1	1,721.0	1,721.0		0.0	0.0	0.0	1,721.0	100%
*	Hỗ trợ công trình NSH tập trung	1,721.0	1,721.0		0.0	0.0	0.0	1,721.0	100%
-	Công trình NSH tập trung thôn 1 xã Đăk Pnê	1,000.0	1,000.0					1,000.0	100%
-	Sửa chữa nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt thôn 5+6 xã Đăk Kôi	721.0	721.0					721.0	100%
2	Dự án 4	14,452.0	14,452.0		0.0	0.0	0.0	14,452.0	100%
2.1	Tiểu dự án 1	14,452.0	14,452.0				0.0	14,452.0	100%
2.1.1	Đầu tư cứng hóa đường liên xã	4,836.0	4,836.0				0.0	4,836.0	100%

TT	Danh mục dự án	Tổng các các nguồn vốn năm 2022	Trong đó		Thanh toán đến 30/10/2022	Trong đó		Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung ương 31/01/2023	Tỷ lệ giải ngân %
			kế hoạch vốn bố trí từ nguồn ngân sách trung ương năm 2022	Nguồn huy động ngoài ngân sách		Thanh toán	Tạm ứng theo chế độ		
-	Nâng cấp tuyến liên xã từ thị trấn Đăk Rve đi xã Tân Lập, Đăk Ruồng (khu dân cư phía nam)	4,836.0	4,836.0					4,836.0	100%
2.1.2	Đầu tư CSHT xã ĐBKk, thôn ĐBKk	9,616.0	9,616.0				0.0	9,616.0	100%
*	<i>Xã khu vực III</i>	7,600.0	7,600.0				0.0	7,600.0	100%
1	Xã Đăk Tờ Re	1,891.0	1,891.0					1,891.0	100%
-	Dự án Đường đi KSX thôn Đak Jri xã Đăk Tờ Re	1,891.0	1,891.0					1,891.0	100%
2	Xã Đăk Kôi	1,945.0	1,945.0				0.0	1,945.0	100%
-	Đường đi KSX thôn Trắng Nó - Kon Blo xã Đăk Kôi	1,945.0	1,945.0					1,945.0	100%
3	Thị trấn Đăk Rve	1,813.0	1,813.0				0.0	1,813.0	100%
-	Dự án Đường nội thôn 1, thị trấn Đăk Rve	1,813.0	1,813.0					1,813.0	100%
4	Xã Đăk Pnê	1,951.0	1,951.0				0.0	1,951.0	100%
-	Dự án Đường giao thông NT đoạn từ đường DH 22 đi khu sản xuất Đăk Năm (đoạn nối tiếp), xã Đăk Pnê	1,951.0	1,951.0					1,951.0	100%
*	<i>Thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực I</i>	2,016.0	2,016.0				0.0	2,016.0	100%
1	Xã Đăk Tờ Lung	1,008.0	1,008.0				0.0	1,008.0	100%
-	Dự án Đường đi khu sản xuất nước Nhê thôn Kon Lồ (nối dài), xã Đăk Tờ Lung	252.0	252.0					252.0	100%
-	Dự án đường đi khu sản xuất tập trung thôn Kon Long, xã Đăk Tờ Lung	252.0	252.0					252.0	100%
-	Dự án Đường đi khu sản xuất nước muối thôn Kon Bì (nhánh 2), xã Đăk Tờ Lung	252.0	252.0					252.0	100%
-	Đường đi KSX Đăk Tờ Lung thôn Kon Mong Tu (nối tiếp), xã Đăk Tờ Lung	252.0	252.0					252.0	100%

TT	Danh mục dự án	Tổng các các nguồn vốn năm 2022	Trong đó		Thanh toán đến 30/10/2022	Trong đó		Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung ương 31/01/2023	Tỷ lệ giải ngân %
			kế hoạch vốn bố trí từ nguồn ngân sách trung ương năm 2022	Nguồn huy động ngoài ngân sách		Thanh toán	Tạm ứng theo chế độ		
2	Xã Tân Lập	504.0	504.0					504.0	100%
-	Dự án: Đường đi KSX thôn 5 xã Tân Lập (tuyến đập Đăk Rơ nối tiếp)	252.0	252.0					252.0	100%
-	Dự án: Đường liên xã đến KSX thôn 6 xã Tân Lập (Đoạn từ nhà bà Mùi đến nhà bà Chi)	252.0	252.0					252.0	100%
3	Xã Đăk Ruồng	504.0	504.0			0.0		504.0	100%
-	Đường đi khu SX thôn 11 xã Đăk Ruồng	252.0	252.0					252.0	100%
-	Đường đi KSX thôn 10 xã Đăk Ruồng (đoạn nối tiếp)	252.0	252.0					252.0	100%
3	Dự án 5	1,844.0	1,844.0					1,844.0	100%
-	Phòng ở cho HS bán trú tại trường PTDTBT-THCS Đăk Kôi	442.0	442.0					442.0	100%
-	Phòng ở cho HS bán trú tại trường PTDTBT-THCS Đăk Pnê	442.0	442.0					442.0	100%
-	Công trình vệ sinh nước sạch tại trường Tiểu học Kapakolong	652.0	652.0					652.0	100%
-	Công trình sân chơi, bãi tập trường PTDTBT-TH Đăk Pnê	308.0	308.0					308.0	100%
4	Dự án 6	307.0	307.0					307.0	100%
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng 01 điểm du lịch tiêu biểu: Làng Kon BBráp Du - Thôn 5, xã Tân Lập	104.0	104.0					104.0	100%
-	Xây mới 01 nhà để xe	104.0	104.0					104.0	100%
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế VH, TT tại các thôn ĐBK, xã ĐBK	203.0	203.0					203.0	100%
-	Sân bóng chuyền thôn 7 Kon Vang - Thị trấn Đăk Rve	29.0	29.0					29.0	100%

TT	Danh mục dự án	Tổng các các nguồn vốn năm 2022	Trong đó		Thanh toán đến 30/10/2022	Trong đó		Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung ương 31/01/2023	Tỷ lệ giải ngân %
			kế hoạch vốn bố trí từ nguồn ngân sách trung ương năm 2022	Nguồn huy động ngoài ngân sách		Thanh toán	Tạm ứng theo chế độ		
-	Sân bóng đá Thôn Kon Som Luh - xã Đăk Tờ Re	29.0	29.0					29.0	100%
-	Nhà Rông Thôn 10 - xã Đăk Kôi	29.0	29.0					29.0	100%
-	Sân bóng chuyền trung tâm Xã Đăk Pnê	29.0	29.0					29.0	100%
-	Sân bóng chuyền Thôn 4 - Kon Bru Xã Tân Lập	29.0	29.0					29.0	100%
-	Sân bóng chuyền Thôn 9 - Kon Srệt - Xã Đăk Ruông	29.0	29.0					29.0	100%
-	Nhà Rông Thôn 6 - Kon Rá - xã Đăk Tơ Lung	29.0	29.0					29.0	100%
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	17,773.1	15,950.0	1,823.1				15,950.0	100%
1	Kế hoạch vốn ĐTPPT năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022	5,467.2	5,119.0	348.2				5,119.0	100%
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại trục thôn Đak Jri, xã Đăk Tờ Re	133.7	127.0	6.7				127.0	100%
-	SC nhà rông + Sân bê tông nhà rông làng Kon Nu, thôn Đak Jri	157.9	150.0	7.9				150.0	100%
-	SC nhà rông + Sân bê tông nhà rông làng Kon Rơ Lang, thôn Đak Jri	157.9	150.0	7.9				150.0	100%
-	Đường từ Nhà rông đến nhà bà Y Brang, Thôn 8	277.8	250.0	27.8				250.0	100%
-	Đường từ sân vận động xã đến xóm nhà ông U Bái	196.7	177.0	19.7				177.0	100%
-	Sửa chữa Đường giao thông nông thôn Trắng Nó - Kon Blo	473.7	450.0	23.7				450.0	100%
-	Sửa chữa Đường giao thông nông thôn Ngọc Răng - Nhân Liễu	631.6	600.0	31.6				600.0	100%

TT	Danh mục dự án	Tổng các các nguồn vốn năm 2022	Trong đó		Thanh toán đến 30/10/2022	Trong đó		Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung ương 31/01/2023	Tỷ lệ giải ngân %
			kế hoạch vốn bố trí từ nguồn ngân sách trung ương năm 2022	Nguồn huy động ngoài ngân sách		Thanh toán	Tạm ứng theo chế độ		
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 3, xã Đăk Kôi	80.0	76.0	4.0			76.0	100%	
-	Sân bê tông nhà rông thôn 5 xã Đăk Kôi	84.2	80.0	4.2			80.0	100%	
-	Sân bê tông nhà rông thôn 6 xã Đăk Kôi	84.2	80.0	4.2			80.0	100%	
-	Nhà rông thôn 3 xã Đăk Kôi	84.2	80.0	4.2			80.0	100%	
-	Hệ thống loa phát thanh xã Đăk Kôi	357.9	340.0	17.9			340.0	100%	
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 2, xã Đăk Pnê	135.8	129.0	6.8			129.0	100%	
-	Sửa chữa nhà rông thôn 2, xã Đăk Pnê	105.3	100.0	5.3			100.0	100%	
-	Làm sân bóng chuyền trung tâm xã Đăk Pnê	105.3	100.0	5.3			100.0	100%	
-	Cụm loa kết nối đài truyền thanh xã Đăk Pnê	76.2	45.0	31.2			45.0	100%	
-	Đường đi khu sản xuất Đăk T Veo Thôn 1 (đoạn nối tiếp)	684.2	650.0	34.2			650.0	100%	
-	Đường đi khu sản xuất Đăk Kleng (đoạn từ đầu đường bê tông thôn 3 đi thôn 4 đến khu sản xuất Đăk Kleng)	716.8	681.0	35.8			681.0	100%	
-	Bê tông đường ngõ xóm thôn 5, xã Tân Lập	449.5	427.0	22.5			427.0	100%	
-	Dự án đường đi khu sản xuất tập trung thôn Kon Rá, xã Đăk Tơ Lung	411.1	370.0	41.1			370.0	100%	
-	Sửa chữa hệ thống điện nội thôn	63.3	57.0	6.3			57.0	100%	
2	Kế hoạch vốn ĐTPPT năm 2022	12,305.9	10,831.0	1,474.9			10,831.0	100%	
2.1	Xã Đăk Tờ Lung	1,826.8	1,611.0	215.8			1,611.0	100%	
	Bố trí xã đã về đích	501.1	451.0	50.1			451.0	100%	
-	Dự án đường đi khu sản xuất tập trung thôn Kon Lung xã Đăk Tơ Lung	444.4	400.0	44.4			400.0	100%	
-	Sửa chữa hệ thống điện nội thôn	56.7	51.0	5.7			51.0	100%	
	Bố trí từ nguồn huyện NTM	1,325.7	1,160.0	165.7			1,160.0	100%	

TT	Danh mục dự án	Tổng các các nguồn vốn năm 2022	Trong đó		Thanh toán đến 30/10/2022	Trong đó		Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung ương 31/01/2023	Tỷ lệ giải ngân %
			kế hoạch vốn bố trí từ nguồn ngân sách trung ương năm 2022	Nguồn huy động ngoài ngân sách		Thanh toán	Tạm ứng theo chế độ		
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 7, xã Đăk Tơ Lung	320.0	280.0	40.0				280.0	100%
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 8, xã Đăk Tơ Lung	320.0	280.0	40.0				280.0	100%
-	Sửa chữa Thủy lợi Đăk Pía, xã Đăk Tơ Lung	342.9	300.0	42.9				300.0	100%
-	Sửa chữa Thủy lợi Đăk Sa, xã Đăk Tơ Lung	342.9	300.0	42.9				300.0	100%
2.2	Xã Đăk PNe	838.8	734.0	104.8	0.0	0.0	0.0	734.0	100%
	Bố trí từ nguồn huyện NTM	838.8	734.0	104.8				734.0	100%
-	Sửa chữa Thủy lợi Đăk Năm, xã Đăk PNe	171.4	150.0	21.4				150.0	100%
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 3, xã Đăk PNe	320.0	280.0	40.0				280.0	100%
-	Sửa chữa Thủy lợi Đăk Nga, xã Đăk PNe	347.4	304.0	43.4				304.0	100%
2.3	Xã Đăk Kôi	640.0	560.0	80.0	0.0	0.0	0.0	560.0	100%
	Bố trí từ nguồn huyện NTM	640.0	560.0	80.0				560.0	100%
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 4, xã Đăk Kôi	320.0	280.0	40.0				280.0	100%
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 10, xã Đăk Kôi	320.0	280.0	40.0				280.0	100%
2.4	Xã Đăk Ruông	1,141.1	1,011.0	130.1				1,011.0	100%
	Bố trí xã đã về đích	501.1	451.0	50.1				451.0	100%
-	Đường đi khu sản xuất Mỏ đá, thôn 12 (đoạn nối tiếp)	501.1	451.0	50.1				451.0	100%
	Bố trí từ nguồn huyện NTM	640.0	560.0	80.0				560.0	100%
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 13, xã Đăk Ruông	320.0	280.0	40.0				280.0	100%
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 12 xã Đăk Ruông	320.0	280.0	40.0				280.0	100%
2.5	Xã Đăk Tờ Re	1,434.7	1,291.0	143.7				1,291.0	100%
	Bố trí xã đã về đích	474.7	451.0	23.7				451.0	100%

TT	Danh mục dự án	Tổng các các nguồn vốn năm 2022	Trong đó		Thanh toán đến 30/10/2022	Trong đó		Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung ương 31/01/2023	Tỷ lệ giải ngân %
			kế hoạch vốn bố trí từ nguồn ngân sách trung ương năm 2022	Nguồn huy động ngoài ngân sách		Thanh toán	Tạm ứng theo chế độ		
-	SC nhà rông + Sân bê tông nhà rông thôn Kon Rơ Pen	157.9	150.0	7.9				150.0	100%
-	Đường nội thôn Đak Ố Nglăng (đoạn từ Bưu điện xã vào nhà ông A Blôk)	316.8	301.0	15.8				301.0	100%
	Bố trí từ nguồn huyện NTM	960.0	840.0	120.0				840.0	100%
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn Kon Rơ Pen, xã Đăk Tờ Re	320.0	280.0	40.0				280.0	100%
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn Dak Pơ Kông, xã Đăk Tờ Re	320.0	280.0	40.0				280.0	100%
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn KonXomLuh, xã Đăk Tờ Re	320.0	280.0	40.0				280.0	100%
2.6	Xã Đăk Tân Lập	6,424.5	5,624.0	800.5				5,624.0	100%
	Bố trí xã đã về đích	512.5	451.0	61.5				451.0	100%
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 4, xã Tân Lập	217.8	196.0	21.8				196.0	100%
-	Sửa chữa sân bóng đá xã	55.6	50.0	5.6				50.0	100%
-	Cụm loa thôn 4 kết nối truyền hình xã	33.3	15.0	18.3				15.0	100%
-	Đầu tư điện công lộ (năng lượng mặt trời) tại thôn 5, xã Tân Lập	63.2	60.0	3.2				60.0	100%
-	Làm sân bóng chuyền thôn 4, xã Tân Lập	111.1	100.0	11.1				100.0	100%
-	Cụm loa thôn 5 kết nối truyền hình xã	31.6	30.0	1.6				30.0	100%
	Bố trí từ nguồn huyện NTM	5,912.0	5,173.0	739.0				5,173.0	100%
-	Bê tông đường ngõ xóm thôn 5, xã Tân Lập (đoạn nối tiếp)	883.4	773.0	110.4				773.0	100%
-	Xây 3 phòng học trường THCS xã Tân Lập	1,600.0	1,400.0	200.0				1,400.0	100%
-	Xây dựng vườn ươm cây giống theo hướng ứng dụng công nghệ cao - Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp	3,428.6	3,000.0	428.6				3,000.0	100%

PHỤ LỤC II

**PHÂN BỐ CHI TIẾT NGUỒN VỐN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KON RẪY**

Kèm theo báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện
ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện CTMTQG	Thanh toán đến 30/10/2022	Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung ương 31/01/2023
A	B	1	2	5
	TỔNG CỘNG	14,882.0	30.0	14,882.0
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI	1,750.0	30.0	1,750.0
I	Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	500.0		500.0
II	Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tại cấp tỉnh, huyện	400.0		400.0
III	Dự án nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn	450.0		450.0
-	Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn xã Đăk Pnê	75.0		75.0
-	Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn xã Đăk Rừng	75.0		75.0
-	Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn xã Tân Lập	75.0		75.0

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện CTMTQG	Thanh toán đến 30/10/2022	Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung
-	Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn xã Đắk Kôi	75.0		75.0
-	Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn xã Đắk Tờ Re	75.0		75.0
-	Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn xã Đắk Tờ Lung	75.0		75.0
IV	Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp	150.0	30.0	150.0
-	Kinh phí hoạt động của Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện	60.0		60.0
-	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo 6 xã	90.0	30.0	90.0
IV	Dự án truyền thông, tập huấn về xây dựng nông thôn mới	50.0		50.0
V	Các hoạt động khác tại địa phương	200.0		200.0
-	Hỗ trợ chỉnh trang vườn nhà, hàng rào cổng ngõ các hộ gia đình trên địa bàn xã Đắk Pnê	35.0		35.0
-	Hỗ trợ dụng cụ thể dục thể thao phục vụ cộng đồng dân cư xã Đắk Ruồng	35.0		35.0
-	Hỗ trợ dụng cụ thể dục thể thao phục vụ cộng đồng dân cư xã Tân Lập	35.0		35.0

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện CTMTQG	Thanh toán đến 30/10/2022	Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung
	Hỗ trợ chỉnh trang vườn nhà, hàng rào cổng ngõ các hộ gia đình trên địa bàn xã Đắk Kôi	35.0		35.0
-	Duy tu bảo dưỡng công trình nông thôn mới trên địa bàn xã Đắk Tô Re	30.0		30.0
-	Hỗ trợ xây dựng mô hình phân loại rác thải tại nguồn trên địa bàn xã Đắk Tô Lung	30.0		30.0
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	3,356.0		3,356.0
I	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo	1,109.0		1,109.0
	Thị trấn Đắk Rve	156.1		156.1
	Xã Tân Lập	98.9		98.9
	Xã Đắk Rồong	156.1		156.1
	Xã Đắk Tô Lung	188.3		188.3
	Xã Đắk Tô Re	176.5		176.5
	Xã Đắk Kôi	188.3		188.3
	Xã Đắk Pnê	144.8		144.8
II	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	470.0		470.0
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	470.0		470.0
	Phòng Nông nghiệp - PTNT huyện	9.4		9.4
	Thị trấn Đắk Rve	64.8		64.8
	Xã Tân Lập	41.1		41.1
	Xã Đắk Rồong	64.8		64.8
	Xã Đắk Tô Lung	78.2		78.2
	Xã Đắk Tô Re	73.3		73.3

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện CTMTQG	Thanh toán đến 30/10/2022	Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung
	Xã Đăk Kôi	78.2		78.2
	Xã Đăk Pnê	60.1		60.1
III	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	1,482.0		1,482.0
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1,311.0		1,311.0
-	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX	524.0		524.0
-	Phòng LĐ-TBXH huyện	787.0		787.0
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	171.0		171.0
	Phòng LĐ-TBXH huyện	17.1		17.1
	Thị trấn Đăk Rve	21.7		21.7
	Xã Tân Lập	13.7		13.7
	Xã Đăk Ruồng	21.7		21.7
	Xã Đăk Tơ Lung	26.1		26.1
	Xã Đăk Tờ Re	24.5		24.5
	Xã Đăk Kôi	26.1		26.1
	Xã Đăk Pnê	20.1		20.1
IV	Dự án 6: truyền thông về giảm nghèo và giảm nghèo về thông tin	44.0		44.0
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	20.0		20.0
	Phòng Văn hóa - Thông tin huyện	6.0		6.0
	Thị trấn Đăk Rve	2.0		2.0
	Xã Tân Lập	1.2		1.2
	Xã Đăk Ruồng	2.0		2.0

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện CTMTQG	Thanh toán đến 30/10/2022	Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung
	Xã Đắk Tơ Lung	2.4		2.4
	Xã Đắk Tờ Re	2.2		2.2
	Xã Đắk Kôi	2.4		2.4
	Xã Đắk Pnê	1.8		1.8
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	24.0		24.0
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	8.4		8.4
	Thị trấn Đắk Rve	2.2		2.2
	Xã Tân Lập	1.4		1.4
	Xã Đắk Ruồng	2.2		2.2
	Xã Đắk Tơ Lung	2.6		2.6
	Xã Đắk Tờ Re	2.5		2.5
	Xã Đắk Kôi	2.6		2.6
	Xã Đắk Pnê	2.0		2.0
V	Dự án 7: nâng cao năng lực, giám sát và đánh giá chương trình	251.0		251.0
1	Tiểu dự án 1: nâng cao năng lực thực hiện chương trình	164.0		164.0
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	49.2		49.2
	Thị trấn Đắk Rve	16.2		16.2
	Xã Tân Lập	10.2		10.2
	Xã Đắk Ruồng	16.2		16.2
	Xã Đắk Tơ Lung	19.5		19.5
	Xã Đắk Tờ Re	18.3		18.3
	Xã Đắk Kôi	19.5		19.5
	Xã Đắk Pnê	15.0		15.0
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	87.0		87.0

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện CTMTQG	Thanh toán đến 30/10/2022	Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	26.1		26.1
	Thị trấn Đắk Rve	8.6		8.6
	Xã Tân Lập	5.4		5.4
	Xã Đắk Ruồng	8.6		8.6
	Xã Đắk Tơ Lung	10.3		10.3
	Xã Đắk Tờ Re	9.7		9.7
	Xã Đắk Kôi	10.3		10.3
	Xã Đắk Pnê	8.0		8.0
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI	9,776.0		9,776.0
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	852.0		852.0
I.1	Hỗ trợ chuyển đổi nghề	620.0		620.0
1	Thị trấn Đắk Rve	140.0		140.0
2	Xã Đắk Tờ Re	180.0		180.0
3	Xã Đắk Kôi	140.0		140.0
4	Xã Đắk Pnê	110.0		110.0
5	Xã Tân Lập	10.0		10.0
6	Xã Đắk Ruồng	20.0		20.0
7	Xã Đắk Tơ Lung	20.0		20.0
I.2	Hỗ trợ NSH phân tán	232.0		232.0
1	Thị trấn Đắk Rve	51.0		51.0
2	Xã Đắk Tờ Re	60.0		60.0
3	Xã Đắk Kôi	55.0		55.0
4	Xã Đắk Pnê	42.0		42.0

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện CTMTQG	Thanh toán đến 30/10/2022	Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung
5	Xã Tân Lập	6.0		6.0
6	Xã Đăk Ruồng	9.0		9.0
7	Xã Đăk Tư Lung	9.0		9.0
II	Dự án 2: Không có	-		-
III	Dự án 3: Phát triển SX nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để SX hàng hóa theo chuỗi giá trị	4,999.0		4,999.0
III.1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	3,530.0		3,530.0
-	Hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ	2,528.0		2,528.0
	Thị trấn Đăk Rve	718.0		718.0
	Xã Đăk Tờ Re	710.0		710.0
	Xã Đăk Kôi	43.0		43.0
	Xã Đăk Pnê	114.0		114.0
	Xã Tân Lập	139.0		139.0
	Xã Đăk Ruồng	114.0		114.0
	Xã Đăk Tư Lung	690.0		690.0
-	Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ	171.0		171.0
	Thị trấn Đăk Rve	171.0		171.0

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện CTMTQG	Thanh toán đến 30/10/2022	Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung
-	Hỗ trợ gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ	831.0		831.0
	Thị trấn Đắk Rve	241		241
	Xã Đắk Tô Re	228		228
	Xã Đắk Kôi	22		22
	Xã Đắk Pnê	33		33
	Xã Tân Lập	44		44
	Xã Đắk Ruồng	33		33
	Xã Đắk Tô Lung	230		230
III.2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ PTSX theo cuối giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng ĐBDTTS&MN	1,469.0		1,469.0
-	Thị trấn Đắk Rve	263.0		263.0
-	Xã Đắk Tô Re	284.0		284.0
-	Xã Đắk Kôi	296.0		296.0
-	Xã Đắk Pnê	297.0		297.0
-	Xã Tân Lập	82.0		82.0
-	Xã Đắk Ruồng	82.0		82.0
-	Xã Đắk Tô Lung	165.0		165.0

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện CTMTQG	Thanh toán đến 30/10/2022	Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	582.0		582.0
IV.1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	582.0		582.0
-	Thị trấn Đắk Rve	102.0		102.0
-	Xã Đắk Tờ Re	107.0		107.0
-	Xã Đắk Kôi	111.0		111.0
-	Xã Đắk Pnê	111.0		111.0
-	Xã Tân Lập	38.0		38.0
-	Xã Đắk Ruồng	38.0		38.0
-	Xã Đắk Tơ Lung	75.0		75.0
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	2,775.0		2,775.0
V.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	111.0		111.0

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện CTMTQG	Thanh toán đến 30/10/2022	Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung
-	Hỗ trợ các lớp học xóa mù chữ, người dân tham gia học xóa mù chữ và tài liệu học tập, sách giáo khoa, văn phòng phẩm cho người học xóa mù chữ	111.0		111.0
V.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng ĐBDTTS	110.0		110.0
-	Hỗ trợ sinh viên tham gia đào tạo dự bị ĐH, ĐH và sau ĐH	110.0		110.0
V.3	Tiểu dự án 3: Dự án PT giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người LĐ vùng DTTS&MN	2,473.0		2,473.0
-	Đào tạo nghề nông nghiệp (32 lớp)	1,493.0		1,493.0
-	Đào tạo nghề phi nông nghiệp (21 lớp)	980.0		980.0
V.4	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình	81.0		81.0
-	Tổ chức hội thảo, hội nghị chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm giữa các xã, thị trấn	81.0		81.0
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	107.0		107.0
-	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể	27.0		27.0
-	Tổ chức lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ	16.0		16.0

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện CTMTQG	Thanh toán đến 30/10/2022	Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung
-	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	40.0		40.0
-	Tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số	24.0		24.0
VII	Dự án 7: Không có	-		-
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	237.0		237.0
-	Tuyên truyền xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới.	67.0		67.0
-	Xây dựng và nhân rộng mô hình: thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ.	50.0		50.0
-	Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển kinh tế- xã hội của cộng đồng, giám sát	50.0		50.0
-	Trang bị kiến thức về bình đẳng giới kỹ năng thực hiện lòng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già lang, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và thực hiện có uy tín cộng đồng.	70.0		70.0
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	62.0		62.0
IX.2	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng ĐBDTTS	62.0		62.0

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện CTMTQG	Thanh toán đến 30/10/2022	Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung
-	Xây dựng MH giảm thiểu tình trạng tảo hôn tại địa bàn xã có tỷ lệ tảo hôn cao	62.0		62.0
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng ĐBDTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	162.0		162.0
X.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của NCUT; phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG	117.0		117.0
-	Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của NCUT	90.0		90.0
-	Phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào	27.0		27.0
X.2	Tiểu dự án 2: Ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo ANTT vùng ĐBDTTS&MN	16.0		16.0
-	Thị trấn Đắk Rve	4.0		4.0
-	Xã Đắk Tô Re	4.0		4.0
-	Xã Đắk Kôi	4.0		4.0
-	Xã Đắk Pnê	4.0		4.0
X.3	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	29.0		29.0

STT	Nội dung	Kinh phí thực hiện CTMTQG	Thanh toán đến 30/10/2022	Ước giải ngân đến nguồn ngân sách trung
-	Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết thực hiện Chương trình ở các xã, thị trấn	29.0		29.0